

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2019/KDTM-PT

Ngày: 25/3/2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2018/KDTM -ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Xbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2019/QĐPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty N

Trụ sở tại: số nhà 77/7 ấp B, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty N : Ông Nguyễn Trí Ng- Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trí Ng là: Ông Trần Hồ N, sinh năm 1987, Địa chỉ: số nhà 70/78, Trần Phú, Phường x, Thành phố x, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02/02/2018).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1969 – Chủ doanh nghiệp tư nhân kinh doanh cây giống và hoa kiểng Lê Văn C, cư trú tại: Ấp L, xã V, huyện X, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Trịnh Thị Thanh B – Hội viên Hội Luật gia tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện X, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Công ty N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/4/2017 Công ty N (Công ty I) ký hợp đồng số: 125/HĐKT/2017 với danh nghiệp tư nhân cây giống và hoa kiểng Lê Văn C (Doanh nghiệp Lê Văn C) do ông Lê Văn C làm chủ doanh nghiệp để cung ứng 150.000 cây mít giống Changai, đơn giá là 14.000 đồng/cây. Tổng giá trị hợp đồng là 2.100.000.000 đồng. Thời điểm giao cây là tháng 8 năm 2017 giao 100.000 cây và tháng 9 năm 2017 giao 50.000 cây để thực hiện hợp đồng N đặt cọc 500.000.000 đồng và số tiền này sẽ được trừ vào số tiền mua hàng tương ứng từng đợt là 20% giá trị từng lô hàng.

Sau khi ký kết hợp đồng thì ông Lê Văn C chỉ cung ứng được cho N 2.900 cây mít. Do không giao được cây nên sau đợt nhận hàng ngày 13/01/2018 thì phía đối tác của Công ty N không nhận cây nữa và Công ty N có văn bản cho ông Lê Văn C nhưng ông Lê Văn C đã xé bỏ văn bản này.

Công ty I khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại gồm:

+ Bồi thường thiệt hại do không giao đủ cây: $147.100 \text{ cây} \times 5.500 \text{ đồng/cây} = 809.050.000 \text{ đồng}$.

+ Bồi thường thiệt hại về khoản lợi nhuận trực tiếp nếu không có hành vi vi phạm $147.100 \text{ cây} \times (17.000 - 14.000) \text{ đồng} = 441.300.000 \text{ đồng}$

+ Trả lại số tiền đặt cọc sau khi trừ đi số cây đã giao: $500.000.000 \text{ đồng} - (14.000 \text{ đồng/cây} \times 2.900 \text{ cây}) = 459.400.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền là: 1.709.750.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu đối với bồi thường thiệt hại do giao không đủ cây là 147.100 cây là $147.100 \text{ cây} \times (17.000 - 14.000) \text{ đồng} = 441.300.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường là: 1.415.550.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về khoản lợi nhuận trực tiếp nếu không có hành vi vi phạm $147.100 \text{ cây} \times (17.000 - 14.000) \text{ đồng} = 441.300.000 \text{ đồng}$.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn yêu cầu phản tố bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ông Lê Văn C là doanh nghiệp tư nhân cây giống và hoa kiểng Lê Văn C có hợp đồng cung ứng cây mít Changai cho Công ty I như sau:

Ngày 20/2/2017 doanh nghiệp Lê Văn C ký hợp đồng số: 45/HĐKT/2017 với Công ty N để cung ứng 200.000 cây mít giống Changai đơn giá là 13.500 đồng/cây, tổng giá trị hợp đồng 2.700.000.000 đồng thời điểm giao là từ tháng 5 đến 20 tháng 8/2017. Để thực hiện hợp đồng Công ty I đặt cọc 675.000.000 đồng và số tiền này được trừ dần vào số cây đã giao theo từng thời điểm giao.

Ngày 10 tháng 04 năm 2017 doanh nghiệp Lê Văn C ký hợp đồng số 125/HĐKT/2017 với Công ty I để cung ứng 15.000 cây mít giống Changai đơn giá là 14.000 đồng/cây. Tổng giá trị hợp đồng là 2.100.000.000 đồng thời điểm giao cây là tháng 8 năm 2017 và tháng 9 năm 2017 để thực hiện hợp đồng Công ty N đặt cọc 500.000.000 đồng và số tiền này được trừ dần vào số cây đã giao theo từng thời điểm lúc này các bên không có nói rõ số tiền khấu trừ là bao nhiêu.

Sau khi ký hợp đồng và trong quá trình sản xuất cây giống thì xảy ra thiên tai (hiện tượng sương mù sương muối) nên cây mít bị chết hàng loạt dẫn đến không thể giao cây đúng thời hạn. Tại buổi làm việc ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa ông Lê Văn C và Công ty I thống nhất “Trên tinh thần hỗ trợ Công ty I sẽ cử người đàm phán với đối tác của mình để xem xét lại vấn đề giao nhận. Nếu đối tác không chấp nhận thì Công ty I sẽ thông báo cho bên B rõ bằng văn bản”. Tại thời điểm này, các bên thống nhất tổng số cây mà ông Lê Văn C đã giao là 34.000 cây, số cây còn lại chưa giao của 2 hợp đồng là 316.000 cây và các bên thống nhất tổng hợp hai hợp đồng lại và thực hiện cùng lúc cả hai hợp đồng này. Trường hợp phải bồi thường thì số tiền bồi thường là 3.500 đồng/cây.

Sau ngày 30 tháng 8 năm 2017 ông Lê Văn C không nhận được văn bản từ chối từ Công ty I mà công ty còn yêu cầu ông tiếp tục giao hàng.

Đến ngày 09 tháng 01 năm 2018 Công ty N không trả tiền đúng theo thỏa thuận và đến ngày 13 tháng 01 năm 2018 thì Công ty I từ chối nhận hàng từ doanh nghiệp của ông mà không có lý do.

Thỏa thuận trong hợp đồng mỗi chuyến cây bên Công ty I chỉ được khấu trừ 20% giá trị lô hàng vào số tiền đặt cọc nhưng từ ngày 24 tháng 11 năm 2017 đến ngày 09 tháng 01 năm 2018 Công ty I nhận bốn đợt hàng với

số cây là 46.400 cây với số tiền 626.400.000 đồng nhưng phía Công ty I không thanh toán lô hàng này mà chỉ chuyển khoản cho ông được 100.000.000 đồng với lý do là “Cho mượn”. Đối với số tiền cho mượn thì C không đồng ý và đã khấu trừ vào tổng số tiền mua cây mít.

Ngoài ra trong thời gian này doanh nghiệp Lê Văn C có mua bán cây quýt với N với giá trị hàng hóa là 180.000.000 đồng nhưng N chỉ trả được 150.000.000 đồng vào ngày 20 tháng 7 năm 2017. Số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng đã trừ vào số tiền chuyển khoản ngày 13 tháng 7 năm 2017 (tiền cây giống và tiền đặt cọc cây quýt đường) là 200.000.000 đồng. Do vậy số tiền cây mít N trả trong lần chuyển tiền ngày 13/7/2017 chỉ có 170.000.000 đồng.

Tổng số tiền danh nghiệp Lê Văn C đã giao cho Công ty I là 200.000 cây x 13.500 đồng/cây + (2.900 cây x 14.000 đồng/cây) = 2.740.600.000 đồng.

Trừ vào số tiền đặt cọc và chuyển khoản khi nhận hàng là 2.565.000 đồng và 100.000.000 đồng.

Còn lại 75.600.000 đồng. Do vậy, ông Lê Văn C yêu cầu Công ty I trả lại số tiền còn thiếu là 75.600.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Lê Văn C không trình bày gì thêm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2018/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X đã quyết định như sau:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty N đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do không giao đủ cây là 809.050.000 đồng và yêu cầu trả lại số tiền đặt cọc là 459.400.000 đồng. Tổng cộng là 1.268.450.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C.

Buộc Công ty N phải trả cho ông Lê Văn C số tiền 75.600.000 đồng

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/11/2018, nguyên đơn Công ty N kháng cáo yêu cầu sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2018/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị. Không chấp kháng cáo của Công ty N

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2018/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bến Tre.

Điều chỉnh lại phần án phí theo hướng không buộc C, Qphải liên đới nộp án phí 5.000.000 đồng; chỉ buộc Công ty N chịu án phí với số tiền là 3.780.000 đồng (đối với yêu cầu phản tố của C được chấp nhận) và phần án phí do bị bác yêu cầu 21.652.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các phần mà bản án sơ thẩm tuyên không bị kháng cáo và kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật như: nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường do không giao đủ cây số tiền 809.050.000 đồng, trả lại tiền cọc sau khi trừ số cây đã giao 459.400.000 đồng.

Theo nội dung đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của Công ty I yêu cầu bồi thường thiệt hại các khoản lợi nhuận trực tiếp nếu không có hành vi vi phạm của hợp đồng là 441.300.000 đồng với lý do đây là lợi nhuận nếu Công ty mua được 147.100 cây với số tiền 14.000 đồng/cây và bán ra được 17.000 đồng/cây là lợi nhuận trong tương lai với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản tóm lược ghi cuộc thoại giữa Công ty với bà Quyên, Công ty với C cụ thể: đoạn thoại giữa Công ty với Qghi Qnói “Biên bản gì, ông về em nói ông xé tanh banh hết tron”. Công ty cho rằng đây là biên bản ghi nhận lỗi không giao hàng C Qcũng thừa nhận có xé một tờ giấy ghi nội dung gì đó mà bà không hiểu, đoạn thoại giữa Công ty với C ghi nhận ý kiến của C là cái cây hai tất thì giao đủ hai tất, hôm giờ nó lấy kiểu đó thì không đủ rồi, không ấy bây giờ vậy đi anh ơi, giờ cho bể đi anh ơi ...bây giờ bồi thường. Lý giải nội dung này đại diện Công ty cho rằng đoạn thoại ghi lại sau ngày 13/01/2018 với sự thừa nhận lỗi của C. Còn C thì cho rằng đoạn thoại trên ghi là việc thỏa thuận trước ngày 13/01/2018 của những lần giao trước.

[2] Xét nội dung: Hai bên đã thống nhất hợp đồng số: 45/HĐKT/2017 và hợp đồng số 125/HĐKT/2017 là hai hợp đồng riêng biệt nhưng căn cứ vào biên bản làm việc ngày 30 tháng 8 năm 2017 các bên thống nhất gộp hai hợp đồng này lại cùng thực hiện. Sau khi khấu trừ các khoản thì Công ty N còn nợ lại doanh nghiệp Lê Văn C số tiền 75.600.000 đồng. như vậy số cây mà

doanh nghiệp Lê Văn C giao cho Công ty và số tiền đã ứng để trả cho các bên để thực hiện trên phương thức giá trị cây đã giao. Với lượng cây theo hợp đồng còn lại và tính đến ngày 13/01/2018 là 147.100 cây tại buổi làm việc ngày 30/8/2017 hai bên thống nhất trên tinh thần hỗ trợ, Công ty sẽ cử người đàm phán với đối tác để xem xét lại vấn đề giao nhận, nếu đối tác không chấp nhận thì Công ty sẽ thông báo cho bên B bằng văn bản. Như vậy từ sau ngày 13/1/2018 là ngày đã giao nhận thực tế sau cùng Công ty không có gì chứng minh đã thông báo cho C biết, đoạn thoại mà nguyên đơn Cung cấp cũng không thể hiện nội dung nào ghi nhận lỗi của phía C. Do đó chứng cứ là thiệt hại không xác định được chứng cứ lời thừa nhận của C không có nên trong hợp đồng này C không có lỗi, bản án sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của Công ty N là phù hợp. Kháng cáo của Công ty N không được chấp nhận giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Án sơ thẩm tính án phí không đúng theo khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu..... án phí, lệ phí Tòa án và nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm *“Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận”*. Cụ thể buộc C Qnộp 5.000.000 đồng đối với số tiền 100.000.000 đồng là không có cơ sở do Công ty N không có yêu cầu và tòa cũng không tuyên buộc C và Qthực hiện nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng này.

Đối với phần án phí tòa sơ thẩm buộc Công ty N chịu 8.750.000đồng là không đúng theo quy định trường hợp này Công ty N phải chịu là 3.780.000 đồng (75.600.000 đồng x 5%).

Do cấp sơ thẩm tính án phí không đúng nên phúc thẩm sửa phần án phí.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty N.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2018/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bến Tre. (Điều chỉnh phần án phí).

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty N đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do không giao đủ cây là 809.050.000 đồng và yêu cầu trả lại số tiền đặt cọc là 459.400.000 đồng. Tổng cộng là 1.268.450.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C.

Buộc Công ty N phải trả cho ông Lê Văn C số tiền 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật kinh doanh thương mại.

Án phí sơ thẩm Công ty N phải nộp là 25.432.000 đồng được trừ vào biên lai thu số 0024120 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án huyện X, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả lại cho Công ty N số tiền sau khi khấu trừ là 6.214.250 đồng (Sáu triệu hai trăm mười bốn ngàn hai trăm năm mươi đồng)

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty N phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) được trừ vào biên lai thu số 0020448 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện X, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho ông Lê Văn C số tiền 1.890.000 đồng theo biên lai thu số 0017458 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án huyện X, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng